

VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VƯƠNG QUYỀN VÀ THẦN QUYỀN TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CỦA VUA MINH MẠNG TỪ GÓC NHÌN DI SẢN VĂN HOÁ

NGUYỄN SỬ - PHAN THỊ THU HẰNG*

Ngay từ buổi đầu khai phá vùng đất phía Nam, chúa Nguyễn đã có ý thức xác lập chủ quyền bằng yếu tố văn hóa, sử dụng tín ngưỡng truyền thống và Phật giáo để khẳng định vai trò của dòng họ Nguyễn trên vùng đất mới. Đây là biện pháp hòa bình, không phải sử dụng nhiều đến sức mạnh vũ lực để thu hút sự ủng hộ của các cộng đồng. Nhưng, khi thành lập vương triều thì phương cách này không thực sự tỏ ra hiệu quả, vì lúc này, nhà Nguyễn không chỉ là chủ nhân của một vùng đất thuần túy, mà là chủ của một vùng đất đa sắc tộc, với nhiều hệ tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau. Sự ủng hộ của thần linh địa phương mà chúa Nguyễn từng sử dụng trở nên không tương thích với quy mô lãnh thổ đương thời. Mặt khác, cũng không thể sử dụng uy thế của các vị thần địa phương để áp dụng phổ quát ra khắp lãnh thổ cả nước. Như vậy, có sự mâu thuẫn ở đây, khi nhà vua làm chủ toàn bộ lãnh thổ nhưng thần linh ủng hộ vua vẫn mang tính chủ quản, thuộc về các vùng riêng biệt. Do đó, việc Minh Mạng sử dụng tới vị thần linh có quyền uy tối cao là ông Trời, thì ngoài

việc chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo còn chứa đựng một hàm nghĩa khác. Đó là trời được xem là vị thần phổ quát, bao trùm toàn bộ lãnh thổ Việt. Và, chỗ đứng cho các thần linh địa phương phải ở dưới uy quyền của vua (con Trời). Rõ ràng, đây dường như là sự thất thế, sụt giảm uy quyền của các thần linh mang màu sắc địa phương và sự gia tăng uy quyền của nhà Nguyễn, từ chúa sang vua, từ việc nhận được sự ủng hộ của các thần linh địa phương đến việc cai quản, thống nhất các vị thần này...

Trong quan niệm của Minh Mạng, trời là lực lượng có ảnh hưởng mạnh mẽ tới đời sống của con người, vương quyền chính là do mệnh trời (thiên mệnh) giao phó cho vua cái trọng trách chăm lo muôn dân. Tư tưởng này được thể hiện đậm nét trong bài thơ "Vạn phương ninh mật" do ông sáng tác:

Nhất nhân thụ mệnh trị thiên hạ,
Thiên hạ nguyên phi phụng nhất nhân.
Cán thực tiêu y cần tối chính,
Triều can tịch dịch cần trì thân.
Tất kì vạn tính an canh tạc,
Thĩ nguyện thiên phương miễn khổ tân.

* Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Cảm bắt miễn tư ngôn cố hành,
Ủy thiên phó tỉ mục lê dân.

Dịch nghĩa:

Muôn phương yên ổn

Một người nhận mệnh trời để trị thiên hạ,

*Thiên hạ vốn chẳng phải đem ra để cung phụng
cho một người.*

Cơm muện thức khuya lo việc nước,

Sớm triều kính cẩn giữ gìn thân.

Ắt vì mong mỗi muôn dân yên ổn cày cấy,

Thề nguyện nghìn phương tránh được đấng cay.

Chẳng dám không gắng suy nghĩ để cố làm,

Vui mừng mong trời phù hộ để nuôi muôn dân!

Xuất phát từ quan niệm ngôi vị chí tôn ấy do trời ban xuống nên hành động đúc Cửu đỉnh vào năm 1835 của Minh Mạng chính là sự thể hiện ước muốn xây dựng một triều đại bền vững, ổn định. Các đỉnh được đúc theo dáng rộng mở hướng về trời, như "hứng" lấy, bao chứa, giữ lấy mệnh trời trong sườn thành đỉnh rộng lớn. Việc Minh Mạng cho đặt các đỉnh ở trước sân Thế miếu - chốn thâm nghiêm thờ

các vua nhà Nguyễn - cũng bộc lộ rõ dụng ý trên đây của ông. Chúng ta hãy xem xét câu nói của Minh Mạng với Nội các khi bàn về việc đúc đỉnh để thấy rõ điều này hơn: "Đỉnh là để tỏ ra ngôi vị đã đúng, danh mệnh đã tụ lại, thực là đồ quý trọng ở nhà tôn miếu. Xưa các minh vương đời Tam đại (Hạ, Thương, Chu - Trung Quốc) lấy kim loại do các quan mục bá chín châu dâng cống, đúc chín cái đỉnh để làm vật báu truyền lại đời sau. Quy chế điển lễ ấy thật to lớn lắm! Trẫm kính nối nghiệp trước, vâng theo đường lối rõ ràng, nay muốn phỏng theo đời xưa: đúc 9 cái đỉnh để ở nhà Thế miếu. Đó là để tỏ ý mong rằng muôn năm bền vững, đời truyền đời sau. Chuẩn cho quan phân việc đúng kiểu mẫu mới định mà đúc"².

Từ câu nói này có thể nhận thấy, mục đích của Minh Mạng trong việc đúc Cửu đỉnh chính là khẳng định sự hợp pháp của ngôi vị cũng như tính "chính danh" của triều đại. Về vấn đề này, học giả Pháp L.Cadière đã cung cấp cho chúng ta những luận giải sâu sắc: "Trọng khối của đỉnh là vì sự



Cửu đỉnh và Hiến lâm các trong Thế miếu, Đại nội Huế - Ảnh: Trần Lâm

quan trọng của các ý niệm biểu trưng; vị thế của chúng ngoài trời là do vai trò hứng lấy ảnh hưởng từ trời; vị trí trước Thế miếu vì chúng vừa đảm bảo, vừa tượng trưng cho sự trường tồn của triều đại. Qua đó, ta thấy chúng không phải đúc để dùng vào công dụng thực tiễn mà chỉ có công dụng siêu nhiên và cho phép tôi được thêm: chúng chỉ dùng để kéo lấy, hội tụ ân phúc của trời trên ngai hoàng đế và trên triều đại, và cũng để chúng tỏ là thiên mệnh đang ở trên đầu hoàng đế. Nói tóm lại, chúng vừa là bảo chướng, vừa là thể hiện minh nhiên thiên ý³.

Không chỉ vậy, Minh Mạng còn sử dụng các nghi lễ mang tính tôn giáo như chọn ngày đúc đỉnh, tịnh chay, dâng lễ tạ khi hoàn thành Cửu đỉnh. Trong ngày dựng đỉnh, vua còn tiến hành một nghi lễ trọng thể ngay tại Thế miếu, nhằm cáo với tổ tiên việc hệ trọng đã hoàn thành. Đồng thời, vua còn ban hành chỉ dụ công bố với dân chúng cả nước, trong đó ghi rõ con cháu ông sẽ giữ gìn Cửu đỉnh này nguyên vẹn. Điều này cho thấy hàm ý sâu xa của Minh Mạng là muốn con cháu mình sẽ nối nghiệp ngai vàng, ngôi vị của nhà Nguyễn sẽ được bền vững mãi về sau: "Trẫm cung kính tới làm lễ, lễ xong lại đích thân xem xét kỹ, thấy 9 đỉnh đứng sừng sững, nguy nga, to nặng, vững chắc, hoàn hảo không chút khiếm khuyết, đáng là vật báu truyền đời để con cháu cháu giữ gìn mãi mãi"⁴.

Từ việc đúc Cửu đỉnh trên đây, có thể thấy được trong quan niệm của Minh Mạng thì sự tồn tại của ngôi vua và sự yên ổn của triều đại có liên quan chặt chẽ tới trời. Ngôi vua chính là do trời ban, vì thế mà vua phải tuân theo mệnh trời, thay trời trị dân, dạy dỗ dân.

Tư tưởng này còn được Minh Mạng thể hiện qua việc thực hiện nghi lễ ở đàn tế Nam giao. Theo Minh Mạng, sự hài hòa giữa trời và người là cơ sở đảm bảo vương quyền. Căn cứ vào trạng thái bất hòa, mất cân bằng giữa trời và người để vua thay đổi hành vi của bản thân cùng với sự điều chỉnh về đạo đức. Gạt bỏ đi cái vỏ thần thánh đó thì ẩn chứa sau mệnh đề này là tinh thần chịu trách nhiệm của người cầm quyền trước các trạng huống xã hội, mà cơ sở cho sự xem xét đó chính là trạng thái tự nhiên thuận lợi hay khó khăn cho sự phát triển nông nghiệp (yếu tố quyết định đến đời sống dân chúng,

vì Minh Mạng cho rằng, dân xem lúa là sinh mạng của mình). Do đó, vua thực hiện nghi lễ tế trời chính là khẳng định vai trò chủ tế của mình trong việc "giao tiếp" giữa người với trời.

Trách nhiệm của nhà nước trong trực quan hệ từ trời đến người, vua chính là mối nối ở giữa. Mục đích của việc tế trời là khẳng định vị trí của vua trong trực quan hệ đó. Vua phải theo mệnh trời mà giáo dục dân chúng, chăm lo cuộc sống dân chúng nên phải "tác động" đến trời đất, bảo đảm sự hài hòa cho "thế giới", tức là trực trời và người, tức là đảm bảo trách nhiệm của mình ở vị trí vua. Qua đó, khẳng định vua cũng chính là người lãnh đạo tinh thần của cộng đồng. Và, thông qua nghi lễ tế trời mà nhà vua hợp nhất cội nguồn của tồn tại với nguyện vọng của dân chúng, thăng hoa các quy phạm đạo đức xã hội. Khi các chuẩn mực đạo đức xã hội được mang tính "thiên" thì sức ảnh hưởng, lan tỏa của nó trong xã hội sẽ rộng hơn, có thể đi vào chiều sâu tâm hồn của mỗi người. Khi người ta tin vào việc ở bên ngoài cái lực lượng nhà nước trần tục đóng vai trò thưởng phạt, quản lý xã hội còn tồn tại một thứ lực lượng khác, có sức mạnh "thần thánh" cai quản sự ổn định của xã hội đó, thì rõ ràng tác động của nó tới hành vi của cá nhân, cộng đồng sẽ mạnh mẽ hơn.

Chính vì thế mà Minh Mạng đã tiếp tục sử dụng nghi lễ tế trời ở đàn Nam giao để gián tiếp khẳng định tính hợp pháp về ngôi vị của triều Nguyễn, thông qua biểu tượng vua là người tiếp nhận phúc trời để xây dựng đất nước. Vua chính là chủ của bách thần, đứng ở vị trí mối nối giữa trời và dân. Và, các thần chính là những lực lượng siêu nhiên phụ trợ vua trong việc cai trị. Ở đây, bách thần là hình ảnh mang tính biểu tượng, thần thánh ám chỉ sự giúp đỡ, trợ tá của quan lại đối với vua khi xây dựng đất nước. Do đó mà hành động "phong thần" của vua chính là mang hàm nghĩa "phong quan"; bên cạnh sự tồn tại của quan lại "thế tục" thì có sự tồn tại của quan lại "thần thánh". Điều này được thể hiện rõ nét trong câu chuyện giữa vua và các quan đại thần. Sử liệu còn ghi chép lại rằng: Xã dân các địa phương nhiều nơi tâu bày về việc thần chưa được phong. Vua (Minh Mạng) sai đình thần bàn cho ổn, đều cho là thần hiệu các trấn ở Bắc Thành phần nhiều mới phong tặng ở cuối đời Lê, không

đủ tin được, xin xét vị nào có sự tích rõ rệt mới phong. Lại thần hiệu ở Bình Thuận có hiệu bằng tiếng Thổ (Hời) mà đều là chính thần, xin đổi hiệu chữ mà liệt vào phong điển. Vua nói: "Trẫm là chúa trăm thần, cái lễ thăng trật chỉ xét những vị có công đức mà thôi; đã ủy cho đình thần bàn lại thì lấy đình thần làm tai mắt, trẫm nên theo". Lại nói: "Nhà nước ta trung hưng, dẫu bởi mưu người cùng giúp, song mệnh trời đã cho, tất có thần thiêng giúp đỡ, như những việc trâu đưa sang sông, giữa biển nước ngọt, điểm tốt không chỉ một việc, không phải là thần thiêng giúp đỡ là gì? Nếu ai biết vị thần nào thì ta phong tặng cũng nên, thần tự tế bái cũng nên. Đầu đời Gia Long đã bàn việc phong tặng, rồi vì thần hạ phụng hành thiên vị, việc bèn bỏ dở. Nay trẫm nổi chí tiên đế, cử hành điển lớn, không như họ Trịnh tiếm lạm nịnh nọt quý thần để trấn áp nhân tâm. Thần nếu có biết cũng hiểu lòng trẫm"⁵.

Do đó, việc hợp tế các vua nhà Nguyễn cùng án thờ trời ở đàn tế Nam giao có thể được xem là một hành động mang tính chính trị, đi từ logic "phúc trời" được ban xuống cho nhà Nguyễn, và các vua Nguyễn đã tiếp nhận, tạo thành "phúc nhà". Sự kết hợp giữa tín ngưỡng thờ trời và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở đàn Nam giao hàm chứa ý nghĩa mang tính chính trị, đó là sự hợp nhất giữa quyền lợi của vương triều (nhà Nguyễn) với quyền lợi của đất nước (trời) gắn liền với nguyện vọng của nhân dân.

Mặt khác, vùng đất mà nhà Nguyễn cai trị sau khi giành thắng lợi từ nhà Tây Sơn về cơ bản là nơi hỗn dung nhiều loại hình văn hóa, tín ngưỡng cùng với sự tồn tại của người Chăm, Khơme, người Hoa... Do đó, việc lựa chọn trời - vốn là một biểu tượng quen thuộc trong tâm thức văn hóa của các cộng đồng người, dễ dàng được tất cả mọi người công nhận, phản ánh tư tưởng chính trị của Minh Mạng. Khi cả xã hội đều công nhận một biểu tượng chung là trời thì tức là đã đạt được một đồng thuận, tức là một thứ khế ước trong xã hội, tức là một bộ luật để con người chung sống. Minh Mạng đã sử dụng tâm thức "trời" trong đời sống văn hóa tinh thần của người Việt, dù ở vùng đất nào, để tạo ra chất keo dính kết cộng đồng dân tộc Việt. Việc tập hợp các thần linh (thần sông, núi, mây, gió, hỏa...) đặt dưới vai trò chủ quản tối cao là trời biểu hiện sự hợp nhất

về mặt lãnh thổ, văn hóa và tinh thần của đất nước dưới thời Minh Mạng trị vì. Việc tiếp nhận hình thức tín ngưỡng dân gian (thờ trời, thờ thần sông, thần biển, thần núi...) vào hệ thống chính thống của vương triều và vua trở thành chủ tế (trong buổi tế Nam giao) là hành động chính trị thể hiện tư tưởng thống nhất, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Vua Gia Long đã xóa bỏ tình trạng phân chia Đàng Trong và Đàng Ngoài, Nam Triều và Bắc Triều trên phương diện quân sự, hành chính, nhưng vua Minh Mạng chính là người đã tạo ra sự thống nhất về tư tưởng thông qua hành động mang tính tôn giáo thần bí là lễ tế trời này.

Có lẽ, dưới thời chúa Nguyễn, thần linh có một ảnh hưởng tương đối lớn với hoạt động thế sự của con người. Địa vị của thần linh so với địa vị của các chúa rõ ràng áp đảo hơn. Nhưng khi nhà Nguyễn xây dựng vương triều, bước lên ngôi vua, thì lại có sự chuyển đổi vai trò của thần linh và vua. Có nghĩa là các thần linh không phải là lực lượng đóng vai trò quyết định chủ yếu cho sự thành bại của con người, cho sự phát triển của đất nước, mà vai trò ấy lại nằm phần lớn ở vua. Việc khẳng định vua là con trời, là do trời đặt ra để trị dân, dù vẫn thừa nhận uy quyền của thần linh đối với hoạt động của con người, nhưng nếu xét kỹ thì uy quyền đó chỉ có hiệu lực khi được thông qua vua. Vua chính là cầu nối tương thông giữa trời và con người, cho nên quyền uy của trời chỉ thực sự có ý nghĩa khi thông qua hoạt động của vua. Do đó, việc đề cao uy quyền của trời lại chính là đề cao uy quyền của vua. Lý lẽ này càng trở nên rõ ràng hơn khi chúng ta xem xét việc Minh Mạng tiến hành phân phong lại hệ thống thần linh trong nước và tự cho mình là "chủ của bách thần" /.

N.S - Đ.T.T.H

Chú thích:

1- *Nghị chế thi sơ tập* (Tài liệu lưu trữ tại Thư viện Quốc gia, kí hiệu R.518, quyển 7, tờ số 30).

2- *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập 4, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 792 - 793.

3- *Văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam dưới nhãn quan học giả L.Cadière*, Nxb. Thuận Hóa, 2006, tr. 293.

4- *Minh Mệnh nghị chế văn*, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia - Viện Nghiên cứu Hán - Nôm, 2000, tr. 467.

5- *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 317 - 318.